

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THẾ
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 13/2024/HS-ST
Ngày 27- 3- 2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hải Đăng

2. Ông Đỗ Ngọc Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Triệu Quang Hưng- Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bộ- Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại phòng xét xử trực tuyến của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: Triệu Ngọc Đ, sinh năm 1994 tại xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Triệu Duy K, sinh năm 1968 và bà: Lê Thị C, sinh năm 1968. Vợ thứ nhất: Nguyễn Thị V, sinh năm 1993 (đã ly hôn); Vợ thứ hai: Trần Thị Hải Y, sinh năm 1997 (đã ly hôn); con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2023, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ C huyện Y- Có mặt.

- Bị hại: Anh Trần Hồng V1, sinh năm 1985; Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang- Có đơn xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Phùng Thị Lan H, sinh năm 1988; Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang- Có đơn xin vắng mặt.

2. Anh Đào Ngọc S, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Triệu Ngọc Đ, sinh năm 1994 ở thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang là khách hàng thường xuyên đến quán ăn của gia đình anh Trần Hồng V1, sinh năm 1985 ở tổ dân phố C, thị trấn P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang để ăn và ngồi chơi. Khoảng 15 giờ ngày 02/10/2023, Đ mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, biển kiểm soát 98B2- 920.95 của gia đình anh V1 mục đích để đi rút tiền tại Ngân hàng, anh V1 đồng ý giao xe mô tô và chìa khóa xe cho Đ. Sau đó, Đ một mình điều khiển xe mô tô đến cây ATM ở trước cửa Ngân hàng N chi nhánh huyện Y thuộc tổ dân phố H, thị trấn P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang để rút tiền nhưng không rút được. Do không rút được tiền, Đ đã điều khiển xe mô tô 98B2- 920.95 đi về hướng thị trấn N, huyện T. Khi điều khiển xe đi được một đoạn Đĩnh đã điều khiển xe mô tô quay lại nhà anh V1 để mượn thêm giấy tờ xe, anh V1 Đồng ý và đưa cho Đ 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Phùng Thị Lan H (sinh năm 1988, vợ của anh V1) biển số xe 98B2- 920.95; 01 chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự chủ xe mô tô, xe máy mang tên Phùng Thị Lan H. Sau khi lấy được giấy tờ xe, Đ điều khiển xe mô tô 98B2- 920.95 đến cây ATM tại thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang nhưng cũng không rút được tiền nên Đ một mình điều khiển xe đi đến cửa hàng mua bán xe mô tô cũ và mới của anh Đào Ngọc S, sinh năm 1982 ở thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang thỏa thuận bán xe mô tô này cho anh S với giá 13.000.000 đồng. Quá trình mua bán anh S đưa cho Đ 01 “Giấy bán xe” in sẵn yêu cầu Đĩnh viết tên tuổi, địa chỉ, tên chủ xe rồi ký tên vào mục "Bên bán xe" và đưa cho anh S giữ. Anh S lấy tiền đưa cho Đ 12.8000.000 đồng, xin lại 200.000 đồng tiền lộc Đ đồng ý, nhận đủ tiền Đ đưa cho anh S 01 đăng ký xe, 01 bảo hiểm xe và 01 chìa khóa của xe mô tô 98B2- 920.95, còn Đ đi về thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang chơi. Số tiền bán xe mô tô có được Đ đã chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi cho Triệu Ngọc Đ mượn xe mô tô 98B2- 920.95, anh Trần Hồng V1 đã đòi nhiều lần nhưng Đ không trả nên ngày 14/12/2023 anh V1 đã gửi đơn trình báo đến Công an huyện Y.

Ngày 14/12/2023, anh Đào Ngọc Sáng giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện Y: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, biển kiểm soát 98B2- 920.95 trong cốp xe không có đồ vật, tài sản gì; 01 chìa khóa xe xe mô 98B2- 920.95; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Phùng Thị Lan H biển số xe 98B2- 920.95; 01 chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự chủ xe mô tô, xe máy mang tên Phùng Thị Lan H; 01 giấy bán xe mang tên Triệu Ngọc Đ.

Ngày 15/12/2023, Triệu Ngọc Đ đến Cơ quan điều tra Công an huyện Y đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt xe mô tô của gia đình anh V1. Quá trình đầu thú tạm giữ của Đĩnh: 01 (một) ví da màu nâu đã cũ, mặt ngoài của ví có in dòng chữ “H2 LEATHER100%”, bên trong ví có 01 thẻ ngân hàng B mang tên TRIEU

NGOC DINH; 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng kiểu dáng Iphone bên trong lắp 01 sim Vinaphone.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 73/KL-HĐĐGTS ngày 19/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự [huyện Y](#) kết luận: Giá trị của tài sản 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, màu sơn đen đỏ, biển kiểm soát 98B2-920.95 trên tại thời điểm định giá ngày 02/10/2023 là 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng).

Tại kết luận giám định số 117/KL-KTHS ngày 15/01/2024 của [Phòng K1 Công an tỉnh B](#) kết luận: Chữ ký (dạng chữ viết), chữ viết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết của [Triệu Ngọc Đ](#) trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M1, M2, M3) là do cùng một người ký, viết ra.

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, biển kiểm soát 98B2-920.95 trong cốp xe không có đồ vật, tài sản gì; 01 chìa khóa xe máy của xe mô tô Honda AirBlade, biển kiểm soát 98B2- 920.95; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên [Phùng Thị Lan H](#) biển số xe 98B2- 920.95; 01 chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự chủ xe mô tô, xe máy mang tên [Phùng Thị Lan H](#) là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của gia đình anh [V1](#). Ngày 26/12/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản trên cho anh [V1](#).

Đối với 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng kiểu dáng Iphone bên trong lắp 01 sim Vinaphone, 01 (một) ví da màu nâu đã cũ, mặt ngoài của ví có in dòng chữ “H2 LEATHER100%”, bên trong ví có 01 thẻ [ngân hàng B](#) mang tên TRIEU NGOC DINH là tài sản của [Đ](#) không sử dụng vào việc phạm tội.

Đối với anh Đào Ngọc Sáng là người mua chiếc xe mô tô 98B2- 920.95 của [Đ](#) với số tiền 12.800.000 đồng nhưng anh [S](#) không biết đây là tài sản do [Đ](#) phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh [S](#) là có căn cứ.

Về trách nhiệm dân sự: Anh [Trần Hồng V1](#) và chị [Phùng Thị Lan H](#), không có yêu cầu gì về việc bồi thường thiệt hại; [Anh Đào Ngọc S1](#) yêu cầu [Triệu Ngọc Đ](#) phải bồi thường cho anh số tiền 12.800.000 đồng.

Từ hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản nêu trên của bị cáo, tại bản cáo trạng số 11/CT-VKS-YT ngày 28/02/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo [Triệu Ngọc Đ](#) ra trước Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang để xét xử về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận đã có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản như cáo trạng truy tố và nội dung vụ án đã tóm tắt nêu trên, rất hối hận về việc làm của mình, thành khẩn khai báo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo .

Bị hại (anh [Trần Hồng V1](#)) trình bày: Do có quen biết với [Đ](#) từ trước và [Đ](#) thường xuyên đến nhà anh [Văn c](#) nên vào ngày 02/10/2023, khi [Đ](#) hỏi mượn xe của anh [V1](#) đi có việc, anh [V1](#) đồng ý. Sau đó anh [Đ](#) nói sợ bị Công an bắt nên [Đ](#) hỏi

mượn giấy tờ đăng ký xe và chứng nhận bảo hiểm xe mô tô để đi, anh [V1](#) đồng ý và đưa cho bị cáo [Đ](#). Đến buổi tối 02/10/2023, không thấy [Đ](#) mang xe mô tô về trả, anh [V1](#) có liên lạc với [Đ](#) qua ứng dụng zalo để đòi xe nhưng [Đ](#) hẹn mấy hôm sau thì trả. Sau đó anh [V1](#) không liên lạc được với [Đ](#) nữa nên anh [V1](#) đã làm đơn trình báo sự việc đến Cơ quan điều tra. Nay anh [V1](#) đề nghị xin lại tài sản mà [Đ](#) đã chiếm đoạt, đề nghị xử lý vụ việc theo quy định pháp luật, anh [V1](#) không yêu cầu bị cáo [Đ](#) phải bồi thường gì về dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh Đào Ngọc Sáng) trình bày: Buổi chiều ngày 02/10/2023, tại quán sửa chữa xe máy của anh [H1](#) ở [N, T](#) anh [S1](#) có mua 01 chiếc xe mô tô Ablade, biển kiểm soát 98B2-92095 của người có tên là [Triệu Ngọc Đ](#) ở [Đ, Y](#) với giá 12.800.000 đồng. Khi mua chiếc xe trên thì [Đ](#) nói là xe của [Đ](#) mua lại của người khác, anh [S1](#) có yêu cầu [Đ](#) viết giấy tờ mua bán xe và giữ lại cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe, giấy chứng nhận bảo hiểm của xe mô tô nêu trên. Sau đó, khi làm việc với Cơ quan điều tra, anh [S1](#) đã giao nộp chiếc xe mô tô cùng giấy tờ mua bán xe cho [Công an huyện Y](#). Anh [S1](#) yêu cầu bị cáo [Đ](#) trả lại cho anh [S1](#) số tiền 12.800.000 đồng (Mười hai triệu tám trăm nghìn đồng) do anh [S1](#) đưa do [Đ](#) khi mua bán xe ngày 02/10/2023. Ngoài ra, anh [S1](#) không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế giữ nguyên quan điểm như cáo trạng truy tố bị cáo [Triệu Ngọc Đ](#) về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự; Xử phạt:

[Triệu Ngọc Đ](#) từ 12 (Mười hai) tháng tù đến 14 (Mười bốn) tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo 15/12/2023.

- Về dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự, Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 589 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo [Triệu Ngọc Đ](#) phải có trách nhiệm bồi hoàn trả lại cho anh [Đào Ngọc S1](#) số tiền 12.800.000 đồng (Mười hai triệu tám trăm nghìn đồng);

Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Trả lại cho bị cáo [Triệu Ngọc Đ](#): 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng kiểu dáng Iphone, số imei: 355431074946789, bên trong lắp 01 sim Vinaphone có in dãy số: 89840200010728597519 (điện thoại cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng máy), được niêm phong trong 01 (một) phong bì thư dán kín có chữ ký của các thành phần tham gia và dấu của Cơ quan CSĐT [Công an huyện Y](#); 01 (một) ví da màu nâu đã cũ, mặt ngoài của ví có in dòng chữ "H2 LEATHER100%"; 01 thẻ ngân hàng BIDV mang tên TRIEU NGOC DINH, số thẻ Ngân hàng là

9704180120505029, là tài sản của [Đ](#) không sử dụng vào việc phạm tội, nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án;

- *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo [Triệu Ngọc Đ](#) phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 640.000đ (Sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Việc truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo và mức án do kiểm sát viên đề nghị là có căn cứ và đúng pháp luật, phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo.

[2]. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại Cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm, quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo [Đ](#) đã có hành vi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, màu sơn đen đỏ, biển kiểm sát 98B2- 920.95 trị giá 17.000.000 đồng của gia đình anh [Trần Hồng V1](#) để làm phương tiện đi ra cây ATM rút tiền từ thẻ ngân hàng. Do không rút được tiền và không có tiền chi tiêu cá nhân, [Triệu Ngọc Đ](#) nảy sinh ý định bán chiếc xe mô tô mượn của anh [Văn n](#) đã mang bán chiếc xe trên cho anh [Đào Ngọc S1](#) được số tiền 12.800.000 đồng, dẫn đến không có khả năng trả lại xe cho anh [V1](#). Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận cho bị cáo [Triệu Ngọc Đ](#) phạm tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội, tạo ra dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo để có tác dụng giáo dục riêng và góp phần ngăn ngừa chung.

Đối với bị cáo chưa có thu nhập ổn định, chưa có tài sản gì, vì vậy không cần áp dụng hình phạt bổ sung để phạt tiền bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Xét về nhân thân của bị cáo trong vụ án, thấy rằng: Bị cáo xuất thân từ thành phần dân lao động, biết rõ hành vi bán tài sản của người khác dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, số tiền có được từ việc bán xe mô tô đến nay chưa bồi thường trả lại cho người có quyền lợi nghĩa

vụ liên quan, vì vậy cần xử lý nghiêm đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét bị cáo sau khi phạm tội đã ra đầu thú, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần khi lượng hình.

[2].1. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[2].2. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo [Triệu Ngọc Đ](#) được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là anh Đào Ngọc Sáng yêu cầu bị cáo [Đ](#) phải trả lại cho anh [S1](#) số tiền 12.800.000 đồng (Mười hai triệu tám trăm nghìn đồng) do anh [S1](#) đưa do [Đ](#) khi mua bán xe ngày 02/10/2023, xét là có căn cứ. Cần buộc bị cáo [Triệu Ngọc Đ](#) phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho anh [Đào Ngọc S1](#) số tiền 12.800.000 đồng (Mười hai triệu tám trăm nghìn đồng);

[4]. Về vật chứng: Các tài sản thu giữ của [Triệu Ngọc Đ](#), là tài sản hợp pháp của bị cáo và không sử dụng vào việc phạm tội, vì vậy cần trả lại cho bị cáo [Đ](#), gồm: 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng kiểu dáng Iphone, số imei: 355431074946789, bên trong lắp 01 sim Vinaphone có in dãy số: 89840200010728597519 (điện thoại cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng máy), được niêm phong trong 01 (một) phong bì thư dán kín có chữ ký của các thành phần tham gia và dấu của Cơ quan CSĐT [Công an huyện Y](#); 01 (một) ví da màu nâu đã cũ, mặt ngoài của ví có in dòng chữ “H2 LEATHER100%”; 01 thẻ ngân hàng BIDV mang tên TRIEU NGOC DINH, số thẻ Ngân hàng là 9704180120505029, là tài sản của [Đ](#) không sử dụng vào việc phạm tội; nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án;

[5]. Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[6]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự; Xử phạt:

[T](#) (Mười hai) tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo 15/12/2023.

- Về dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự, Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 170, Điều 585, khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo [Triệu Ngọc Đ](#) phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho anh [Đào Ngọc S1](#) số tiền 12.800.000 đồng (Mười hai triệu tám trăm nghìn đồng);

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Trả lại cho bị cáo [Triệu Ngọc Đ](#): 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng kiểu dáng Iphone, số imei: 355431074946789, bên trong lắp 01 sim Vinaphone có in dãy số: 89840200010728597519 (điện thoại cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng máy), được niêm phong trong 01 (một) phong bì thư dán kín có chữ ký của các thành phần tham gia và dấu của Cơ quan CSĐT [Công an huyện Y](#); 01 (một) ví da màu nâu đã cũ, mặt ngoài của ví có in dòng chữ “H2 LEATHER100%”; 01 thẻ ngân hàng BIDV mang tên TRIEU NGOC DINH, số thẻ Ngân hàng là 9704180120505029, là tài sản của [Đ](#) không sử dụng vào việc phạm tội, nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án;

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo [Triệu Ngọc Đ](#) phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 640.000đ (Sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND tỉnh Bắc Giang.
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- CQCSĐT-Công an h.Yên Thế.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND xã Đồng Kỳ, h. Yên Thế.
- Bị cáo.
- Những người TGTG khác;
- Lưu HS, HCTP.

Nguyễn Xuân Toàn